

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2023/HS-ST.
Ngày: 4- 01-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 237/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218 /2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2022/QĐHPT-HS ngày 27/12/2022 đối với các bị cáo:

1.**T. Q. T**, sinh ngày 1991 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Tổng, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Nàng, sinh năm 1962; Bị cáo có vợ là Lê Thị Bích Thùy (sinh năm 1995) và có 01 con sinh năm 2019.

- Tiền án, Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 19/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, theo điểm a, khoản 1, 2 điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, đến ngày 30/8/2013 T chấp hành xong bản án.

Ngày 28/4/2020, bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nhơn Trạch khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”, theo điểm a, khoản 1 điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, đến ngày 22/9/2020 T được đình chỉ điều tra do bị hại có đơn bãi nại rút đơn yêu cầu khởi tố đối với T.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/7/2022 đến ngày 26/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (bị cáo có mặt).

2.**T. M. S** (tên gọi khác: Mập), sinh năm 1984 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã B, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Q tịch:

Việt Nam; Con ông Trần Văn Phùng (chết) và bà Văn Thị Nho- sinh năm 1945. Bị cáo có vợ là Lâm Yến Thanh (sinh năm 1976) và có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 04/01/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 06 tháng 10 ngày tù giam về tội “Tổ chức đánh bạc”, số tiền đánh bạc dưới 5000.000 đồng theo khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999, đến ngày 21/7/2014 S chấp hành xong bản án.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (bị cáo có mặt).

3. **H. T. Q**, sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: ấp BB, xã PA huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Dương, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (bị cáo có mặt).

4. **P. V . V**, sinh năm 1966 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Mây (chết) và bà Lê Thị Nhi (chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Xù (sinh năm 1967) và có 03 con (lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2002)

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 12/10/2020, bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Long Thành khởi tố về tội “Đánh bạc”, theo khoản 2 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, hiện nay vụ án đang được điều tra bổ sung.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (bị cáo có mặt).

5. **T. T. P**, sinh năm 1997 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi đăng ký HKTT: ấp QT, xã PA, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Tuấn (chết) và bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1947; Bị cáo có tên Huỳnh Thị Hằng, sinh năm 1983 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (bị cáo có mặt).

6. **T. H. N** (tên gọi khác: Cu Đò) sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: ấp QT, xã PA, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Nam, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Lê thủy, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ con

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (bị cáo có mặt).

7. **T. M. O**, sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh Phát, sinh năm 1867 và bà Bà Hồ Thị Tâm, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ con

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (bị cáo có mặt).

8. **N. T. B** (tên gọi khác: Ngon), sinh năm 1968 tại tỉnh Đồng Nai, Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hoàng Dữ (chết) và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1944; Bị cáo có vợ là Phạm Kim Phượng (sinh năm 1969) và có 02 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005).

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (bị cáo có mặt).

9. **N. V. T**, sinh năm 1986 tại tỉnh Đồng Nai, Nơi đăng ký HKTT: ấp QT, xã PA, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn Dần (chết) và bà Nguyễn Thị Theo (chết); Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (bị cáo có mặt).

10. **T.H .D**, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai, Nơi đăng ký HKTT: ấp ĐK, xã VT, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: thiên chúa; Q tịch: Việt Nam; Con ông Thân Văn Nam, sinh năm 1954 và bà Thân Thị Khuyên, sinh năm 1954. Bị cáo có vợ là Phạm Thị Hồng Nga (sinh năm 1986) và có 01 con sinh năm 2022.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (bị cáo có mặt).

11. **P.V.U** sinh năm 1954 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con

ông Phạm Văn Mây (chết) và bà Lê Thị Nhi (chết); Bị cáo có vợ là Cao Thị Bích (sinh năm 1958) và có 04 con (lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1987).

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (bị cáo có mặt).

12. **N.T.S** (tên gọi khác: Út), sinh năm 1980 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: ấp QT, xã PA, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành Phương (chết) và bà Nguyễn Thị Gái, sinh năm 1951; Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài nên từ T. Q. T bắt đầu tổ chức đánh bạc từ ngày 14/7/2022 đến ngày 16/7/2022 với hình thức tổ chức đánh bài xóc đĩa được thua bằng tiền tại ấp A, xã B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. T chuẩn bị 01 chén nhựa, 01 đĩa nhựa, cắt 04 quân vị có 02 mặt màu trắng, màu đen và chuẩn bị bát trái làm chiếu bạc cho các con bạc tham gia đánh bạc, T là người đứng ra lắc cái; T rủ và giao T. M. S làm người giám sát con bạc nào thắng thì báo T thu tiền xâu; T rủ và giao H. T. Q làm người cảnh giới cho sòng bạc, khi có người lạ mặt hoặc Công an đi đến thì gọi điện thoại báo T biết để T cho những người đánh bạc nghỉ. Cách thức đánh bạc như sau: T dùng 01 cái đĩa, 01 cái chén bỏ 04 quân vị vào đĩa và dùng chén úp lên để lắc rồi để xuống cho các con bạc đặt cược bên chẵn hoặc bên lẻ. Sau khi mở chén ra, nếu tổng số quân vị cùng màu là chẵn, thì người đặt cược bên chẵn thắng và ngược lại. Nếu số tiền thắng là 200.000 đồng thì T thu xâu 10.000 đồng, thắng 300.000 đồng thì sẽ thu xâu 20.000 đồng, thắng 500.000 đồng thì sẽ thu xâu 30.000 đồng, thắng 1.000.000 đồng thì sẽ thu xâu 40.000 đồng các con bạc tham gia đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 16/7/2022, T. Q. T cùng T. M. S, H. T. Q đang tổ chức cho T. M. O, P. V. V, P.V.U, N.T. B, N. V. T, T.H.N, T. T. P, N.T.S, T.H.D cùng Lê, Thỏ và 1 số đối tượng chưa rõ nhân thân tham gia đánh bài xóc đĩa được thua bằng tiền, cụ thể như sau:

- P. V. V mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc và bị thua 1.500.000 đồng. Khi bị phát hiện, thu giữ trên người Việt 500.000 đồng.

- T. T. P mang theo 1.500.000 đồng để đánh bạc và thắng được 500.000 đồng. Khi bị phát hiện, thu giữ trên người Phong 2.000.000 đồng.

- T. H. N mang theo 1.100.000 đồng để đánh bạc và bị thua 800.000 đồng. Khi bị phát hiện, thu giữ trên người Nhân 300.000 đồng.

- T. M. O mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc và bị thua 1.000.000 đồng.

- N. T. B mang theo 650.000 đồng để đánh bạc và bị thua 150.000 đồng. Khi bị phát hiện, thu giữ trên người Bình 500.000 đồng.

- N. V. T mang theo 500.000 đồng để đánh bạc và bị thua 500.000 đồng.

- T.H .D mang theo 450.000 đồng để đánh bạc và thua 100.000 đồng. Khi bị phát hiện, Dũng để 350.000 đồng dưới chiếu bạc và bị thu giữ.

- P.V.U mang theo 180.000 đồng để đánh bạc và bị thua 150.000 đồng . Khi bị phát hiện, thu giữ trên người Ưu 30.000 đồng.

- N.T.S mang theo 100.000 đồng để đánh bạc và bị thua 100.000 đồng.

Tất cả đánh bạc đến 16 giờ 20 phút giờ cùng ngày, T thu xâu được số tiền 300.000 đồng, thì bị Công an phát hiện bắt và lập biên bản quả tang đối với T. M. S, H. T. Q có hành vi tổ chức cho P. V. V, T. T. P, T.H.N, T. M. O, N.T. B, N. V. T, T.H .D, P.V.U, N.T.S, Riêng T. Q. T, Lê, Thỏ và một số đối tượng không rõ nhân thân bỏ chạy thoát.

Đến 11 giờ 00 ngày 18/7/2022 T đến Cơ quan công an đầu thú và giao nộp số tiền 300.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Tiền dùng vào việc đánh bạc 12.630.000 đồng gồm:

+ Thu trên chiếu bạc 9.000.000 đồng,

+ Thu giữ trên người của Nhân 300.000 đồng, Việt 500.000 đồng, Phong 2.000.000 đồng, Ưu 30.000 đồng, Bình 500.000 đồng và T nộp tiền thu xâu 300.000 đồng);

- 01 chén nhựa, 01 đĩa nhựa, 04 quân vị, 01 chiếc bạt màu xanh.

- 01 điện thoại di động Nokia, loại bàn phím bấm nút và sim điện thoại số 0585.023.014 của Q sử dụng vào việc phạm tội.

- Số tiền 300.000đ S giao nộp để khắc phục hậu quả.

Ngoài hành vi trên T, S, Q còn khai nhận: Vào ngày 14 và ngày 15/7/2022, T cùng S, Q đã tổ chức cho nhiều người không rõ nhân thân lai lịch đánh bạc. Ngày 14/7/2022, T thu xâu được 200.000 đồng và trả tiền công cho Q 200.000 đồng. Ngày 15/7/2022, T thu xâu được 300.000 đồng và trả tiền công cho S 300.000 đồng.

* Tại bản cáo trạng số :211 /CT.VKS-NT ngày 14 /11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo T. Q. T, T. M. S, H. T. Q về tội “tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 và truy tố các bị cáo P. V. V, T. T. P, T.H.N, T. M. O, N.T. B, N. V. T, T.H .D, P.V.U, N.T.S về tội “Đánh bạc ” theo khoản 1 Điều 321 vào Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, d khoản 1, 3 Điều 322; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T. Q. T từ 14 đến 16 tháng tù. Phạt bổ sung 10 đến 15 triệu đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử P. V. V từ 10 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T. M. S từ 10 đến 12 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm a, d khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt H. T. Q từ 50 đến 55 triệu đồng

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T. T. P số tiền từ 20 đến 35 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T. H. N số tiền từ 20 đến 35 triệu đồng

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T. M. O số tiền từ 20 đến 35 triệu đồng

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt N. T. B số tiền từ 20 đến 35 triệu đồng

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt N. V. T số tiền từ 20 đến 35 triệu đồng

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T.H .D số tiền số tiền từ 20 đến 35 triệu đồng

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt P.V.U số tiền từ 20 đến 35 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt N.T.S số tiền từ 20 đến 35 triệu đồng.

Và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Vào ngày 16/7/2022, tại ấp A, xã B, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, T. Q. T cùng T. M. S, H. T. Q có hành vi tổ chức cho P. V. V, T. T. P, T.H.N, T. M. O, N.T. B, N. V. T, T.H. D, P.V.U, N.T.S cùng Lê, Thỏ không rõ lai lịch đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài xóc đĩa thắng thua bằng tiền với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 12.630.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Vì vậy có đủ căn cứ và cơ sở xác định hành vi của các bị cáo T. Q. T, T. M. S, H. T. Q phạm tội: “ tổ chức đánh bạc ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hành vi của các bị cáo P. V. V, T. T. P, T.H.N, T. M. O, N.T. B, N. V. T, T.H. D, P.V.U, N.T.S phạm tội : “ Đánh bạc ” theo khoản 1 Điều 321 . Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên ở đây Viện kiểm sát truy tố bị cáo T. Q. T, T. M. S, H. T. Q tình tiết định khung hình phạt theo điểm a khoản 1 Điều 322 BLHS là chưa đúng, vì theo điểm a qui định: Tổ chức cho 10 người trở lên cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000đ trở lên... trong khi cơ quan điều tra chỉ bắt được 9 người cùng tham gia đánh bạc, đối với Lê, Thỏ là ai cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng chưa xác định rõ nhân thân lai lịch và cho rằng cùng tham gia đánh bạc để truy tố các bị cáo trên hành vi tổ chức đánh bạc cho 10 người là không phù hợp. Trong vụ án này bị cáo Q là người cảnh giới cho sòng bạc khi có người lạ mặt hoặc Công an đến thì gọi cho T biết để T cho những người đánh bạc nghỉ nên VKS truy tố T theo điểm d khoản 1 Điều 322 là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: các bị cáo T. Q. T, T. M. S, P. V. V có nhân thân xấu. Các Bị cáo H. T. Q, T. T. P, T.H.N, T. M. O, N.T. B, N. V. T, T.H. D, P.V.U, N.T.S có nhân thân tốt.

Tính chất, mức độ của hành vi: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương, là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác. Vì vậy cần xét xử nghiêm đối với các bị cáo mới có tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét vai trò của từng bị cáo:

- T là người rủ rờ và thực hiện hành vi phạm tội tổ chức đánh bạc,

- S và Q là người giúp sức cho T thực hiện hành vi phạm tội Tổ chức đánh bạc,

- Các bị can còn lại là người thực hiện hành vi đánh bạc.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo T. Q. T đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, gia đình có công với cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Bị cáo H. T. Q đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Bị cáo T. M. S đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã tự nguyện giao nộp lại tiền thu lợi nhằm khắc phục hậu quả, là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của UBND xã Phước An) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Bị cáo P. V. V đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

+ Các bị cáo T. T. P, T.H.N, T. M. O, N.T. B, N. V. T, T.H .D, P.V.U, N.T.S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo P.V.U thuộc gia đình có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Xét thấy bị cáo T. Q. T từng bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt tù về tội “ cố ý gây thương tích ” và Bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch khởi tố về tội “ Cố ý gây thương tích ” không lấy đó làm bài học mà nay lại phạm tội khác, thể hiện việc xem thường pháp luật, vì vậy cần xét xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tính răn đe giáo dục. Đối với bị cáo P. V. V đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Long Thành khởi tố về “ Tội đánh bạc ” cũng không lấy đó làm bài học nay lại tiếp tục phạm tội: “ Đánh bạc ”, thể hiện việc xem thường pháp luật, vì vậy cần xét xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tính răn đe giáo dục.

- Xét thấy bị cáo T. M. S tuy có nhân thân xấu nhưng trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò không đáng kể chỉ là người giúp T giám sát xem con bạc nào thắng để T thu tiền xâu và được T trả tiền công là 300.000đ, số tiền trên bị cáo cũng đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện nay đang hiện nay đang bị tai nạn không lao động được (Có xác nhận của UBND xã về hoàn cảnh gia đình) bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại cũng không có vi phạm gì thể hiện việc tự cải tạo bản thân tốt, Do đó không cần thiết xét xử bị cáo bằng hình phạt tù giam mà xét xử cho bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo Điều 65 BLHS và ấn định thời gian thử thách cũng đủ răn đe giáo dục và tạo điều kiện cho bị cáo ở bên ngoài có thời gian điều trị bệnh.

- Xét thấy các bị cáo T. T. P, T.H.N, T. M. O, N.T. B, N. V. T, T.H .D, P.V.U, N.T.S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng số tiền bỏ ra đánh bạc không lớn. Trong thời gian tại ngoại cũng không có vi phạm gì thể hiện việc tự cải tạo bản thân tốt, nghĩ nên không cần thiết xét xử các bị cáo bằng hình phạt tù giam mà xử phạt tiền các bị cáo cũng đủ răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ 12.630.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, gồm: 9.000.000 đồng thu tại chiếu bạc, của Nhân 300.000 đồng, Việt 500.000 đồng, Phong 2.000.000 đồng, Ưu 30.000 đồng, Bình 500.000 đồng, T 300.000 đồng,

+ 01 điện thoại di động Nokia, loại bàn phím bấm nút và sim điện thoại của Q.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chén nhựa, 01 đĩa nhựa, 04 quân vị, 01 chiếc bát màu xanh,

- Buộc T. M. S nộp lại 300.000 đồng và H. T. Q nộp lại 200.000 đồng thu lợi từ việc tổ chức đánh bạc.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 300.000đ do T. M. S giao nộp để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia, loại bàn phím bấm nút và sim điện thoại số 0342.999.499 T khai sử dụng vào việc phạm tội nhưng do bị rơi trong lúc bỏ chạy nên không thu giữ được.

[6]. Về án phí sơ thẩm: các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326, 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố các bị cáo T. Q. T, T.M.S , H. T. Q phạm tội “tổ chức đánh bạc” và các bị cáo P. V . V, T. T. P, T.H.N, T. M. O, N.T. B, N. V. T, T.H .D, P.V.U, N.T.S.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 322; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T. Q. T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2022 đến ngày 26/7/2022.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số

02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt T. M. S 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo S cho UBND xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử P. V. V 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 25/7/2022.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 322; Điều 17, Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo H. T. Q 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T. T. P số tiền số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T. H. N số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T. M. O số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt Nguyexn Thanh Bình số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt N. V. T số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt T.H .D số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt P.V.U số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt N.T.S số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 12.630.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, gồm: 9.000.000 đồng thu tại chiếu bạc, của Nhân 300.000 đồng, Việt 500.000 đồng, Phong 2.000.000 đồng, Ưu 30.000 đồng, Bình 500.000 đồng, T 300.000 đồng,

+ 01 điện thoại di động Nokia, loại bàn phím bấm nút và sim điện thoại của Q.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chén nhựa, 01 đĩa nhựa, 04 quân vị, 01 chiếc bát màu xanh.

- Buộc T. M. Snộp lại 300.000 đồng và H. T. Q nộp lại 200.000 đồng thu lợi từ việc tổ chức đánh bạc.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 300.000đ bị cáo S đã nộp để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2022 và Biên lai thu tiền số 0001946 ngày 23/11/2022, biên lai hu tiền số 0002155 ngày 29/12/2022).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T. Q. T, T. M. S, H. T. Q, P. V . V, T. T. P, T.H.N, T. M. O, N.T. B, N. V. T, T.H .D, P.V.U, N.T.S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Hiền

